

Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Nghệ An đối với hộ sản xuất : Luận văn ThS. Kinh doanh và quản lý: 60 34 05 / Lê Thị Hồng Ngọc ; Nghd. : TS. Nguyễn Thị Bích Đào

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Như chúng ta đã biết, trong điều kiện hiện nay, khi khu vực hoá, toàn cầu hoá đang trở thành xu hướng phổ biến thì song song với quá trình hợp tác theo nguyên tắc hai bên cùng có lợi, giữa các quốc gia, khu vực luôn kèm theo quá trình cạnh tranh vô cùng gay gắt và khốc liệt, trong môi trường kinh tế thế giới như vậy, yêu cầu khách quan và cấp bách đối với nước ta là phải nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế của mình để hội nhập ngày càng sâu rộng và có hiệu quả hơn. Một trong những giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế là lành mạnh hoá hệ thống tài chính - ngân hàng. Hoạt động ngân hàng đặc biệt là hoạt động tín dụng mà được đảm bảo an toàn hiệu quả thì sẽ đóng góp tích cực vào việc ổn định và cải thiện môi trường kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, duy trì tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, tăng uy tín quốc gia.

NHN_o&PTNT Nghệ An là một chi nhánh của NHN_o&PTNT Việt Nam, trong quá trình hình thành và phát triển vừa lớn mạnh về tổ chức, vừa tăng trưởng khá mạnh mẽ, đã và đang thực hiện CNH Ngân hàng, đẩy mạnh các hoạt động nghiệp vụ , đặc biệt là chú trọng phát triển các dịch vụ Ngân hàng, coi đó là chiến lược lâu dài để tăng trưởng, phát triển và hội nhập với sự phát triển chung của hệ thống NHNN Việt Nam.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay do đặc trưng kinh tế của tỉnh Nghệ An, trong khi các dịch vụ Ngân hàng chưa thực sự phát triển thì thu nhập từ đầu tư tín dụng vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu của chi nhánh. Đặc biệt là Ngân hàng hoạt động trong khu vực Nông nghiệp, Nông thôn thì nguồn thu từ hoạt động tín dụng nông thôn luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn thu của Ngân hàng. Với các ưu thế về nguồn vốn kinh doanh lớn, mạng

lưới kinh doanh rộng nhất, lại có kinh nghiệm và truyền thống cho vay hộ nông dân và Doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Nông thôn từ buổi đầu đổi mới, trong giai đoạn cạnh tranh và hội nhập, NHN_o&PTNT Nghệ An trước sau vẫn khẳng định hộ nông dân là người bạn đồng hành, đáng tin cậy và thị trường tài chính, tín dụng Nông Nghiệp, Nông thôn vẫn là thị trường chủ yếu mà NHN_o&PTNT Nghệ An đảm nhiệm vai trò chủ đạo trong đầu tư vốn phát triển Nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH - HĐH.

Sự khẳng định về định hướng trên của Ngân hàng là đúng đắn và phù hợp với đặc trưng kinh tế của tỉnh, tuy nhiên trong những năm qua hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất vẫn còn những bất cập, làm hạn chế việc tiếp cận vốn tới hộ nông dân. Vì vậy, trong thời gian tới làm thế nào để nâng cao hơn nữa chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất đang là vấn đề then chốt, có ý nghĩa quan trọng tới sự phát triển của NHN_o & PTNT Nghệ An, làm tăng khả năng cạnh tranh cho NHTM quốc doanh trong xu thế khu vực hoá, toàn cầu hoá cũng như tạo động lực cho sự phát triển của các hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh, góp phần vào sự nghiệp CNH - HĐH Nông nghiệp, Nông thôn.

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng trong kinh doanh ngân hàng, tôi đã chọn đề tài “*Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của NHN_o & PTNT tỉnh Nghệ An đối với hộ sản xuất*” viết luận văn thạc sỹ kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu:

- Ngày 18/01/1991 NHNg đã ký ban hành văn bản số 53/NHNg về “Biện pháp cho vay ngắn hạn, trung hạn đối với hộ nông dân”.

- Ngày 28/06/1991, chủ tịch hội đồng bộ trưởng Võ Văn Kiệt ký chỉ thị số 2002/CT về cho vay hộ sản xuất.

Về vấn đề này, cũng có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học như:

- Năm 2002, viện nghiên cứu tài chính, Bộ tài chính đã thực hiện một đề tài cấp nhà nước nghiên cứu về: “Chính sách tài chính, ngân hàng có liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn”.

- Năm 2002, học viên Nguyễn Thị Thành đã nghiên cứu đề tài: “Giải pháp tăng cường đầu tư tín dụng phát triển kinh tế nông thôn” viết luận văn thạc sỹ.

- Trong thời báo tài chính Việt Nam – Hà Nội: Bộ tài chính, 06/02/2002 số 16, trang 1, 2 đã đăng bài của tác giả Hải Anh: “Giải pháp đẩy mạnh tín dụng đối với hộ nông dân”.

Trên địa bàn tỉnh Nghệ An cũng có rất nhiều đề tài và nhiều bài nghiên cứu đã xuất hiện trên các trang tạp chí, bài báo và trang tin tức sự kiện, cụ thể như:

- Ngày 23/05/2006 trên trang Web tin tức, sự kiện Nghệ An có đăng bài về Ngân hàng nông nghiệp Nghệ An: “Dấu ấn thành tựu 15 năm cho vay kinh tế hộ Nghệ An”.

- Năm 2005, học viên Lê Thị Xuân đã nghiên cứu đề tài: “Vai trò của tín dụng ngân hàng đối với sự phát triển trang trại trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.

- Năm 2005, học viên Đặng Thành Cương đã thực hiện đề tài: “Nâng cao chất lượng tín dụng tại NHN_o & PTNT thành phố Vinh - Nghệ An” viết luận văn thạc sỹ.

Các chủ trương, chính sách và các đề tài nghiên cứu trên đã khẳng định được vai trò của kinh tế hộ trong nền kinh tế nhiều thành phần và thể hiện được sự quan tâm của Đảng, Chính phủ đối với hoạt động cho vay hộ nông dân.

Tuy vậy, so với yêu cầu của sự nghiệp CNH – HĐH nông nghiệp, nông thôn với nhu cầu vốn để phát triển sản xuất hàng hoá của các hộ nông dân cả nước nói chung và các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An nói riêng thì hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất còn tồn tại những vướng mắc, hạn chế. Do đó, cần phải tiếp tục khảo sát vấn đề tín dụng đối với hộ sản xuất trên địa bàn hiện nay trên cơ sở kế thừa và phát triển công trình của các tác giả đã nghiên cứu trước nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của NHN_o & PTNT tỉnh Nghệ An đối với hộ sản xuất.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

** Mục đích:*

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về tín dụng ngân hàng nói chung và tín dụng ngân hàng trong hoạt động cho vay đối với hộ sản xuất nói riêng, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng của NHN_o&PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất.

** Nhiệm vụ:*

- Đề tài làm rõ cơ sở lý luận về hoạt động tín dụng, chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất và làm rõ vai trò của hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất của ngân hàng thương mại.

- Khẳng định tầm quan trọng của chất lượng hoạt động tín dụng trong hoạt động kinh doanh ngân hàng và ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng tín dụng hộ sản xuất.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng, chất lượng hoạt động tín dụng của NHN_o & PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất để phát hiện ra những vấn đề còn vướng mắc, tồn tại, tìm ra nguyên nhân và đưa ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất, đảm bảo an toàn hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

* *Đối tượng nghiên cứu:* đề cập tới chất lượng hoạt động tín dụng ở góc độ cho vay đối với hộ sản xuất.

* *Phạm vi nghiên cứu:*

- Hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại và chất lượng tín dụng của NHN_o & PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất.

- Thời gian của các số liệu được tiến hành trong 4 năm (2004-2007).

5. Phương pháp nghiên cứu:

Dựa trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, các phương pháp được sử dụng trong quá trình nghiên cứu là: phương pháp phân tích thống kê, bảng biểu, điều tra, so sánh, nghiên cứu tài liệu,... để luận chứng.

6. Dự kiến những đóng góp mới của luận văn:

- Hệ thống hoá những vấn đề cơ bản về tín dụng ngân hàng, chất lượng tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất, và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất.

- Luận văn khái quát tình hình hoạt động của NHN_o & PTNT Nghệ An, đặc biệt luận văn đi sâu vào phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng, chất lượng hoạt động tín dụng của NHN_o & PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất.

- Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất, mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất nông nghiệp và nông thôn ở tỉnh Nghệ An.

Bố cục của luận văn:

Ngoài lời cảm ơn, danh mục bảng biểu, mục lục, phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: *Tín dụng Ngân hàng đối với hộ sản xuất trong nền kinh tế thị trường.*

Chương 2: *Thực trạng hoạt động tín dụng của NHN_o & PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất.*

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của NHN_o & PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất trong những năm tới.

CHƯƠNG 1

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.1 Tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất.

1.1.1 Khái niệm tín dụng ngân hàng.

Tín dụng là quan hệ chuyển nhượng tạm thời một lượng giá trị (dưới hình thức tiền tệ hoặc hiện vật) từ người sở hữu sang người sử dụng để sau một thời gian nhất định thu hồi về một lượng giá trị lớn hơn lượng giá trị ban đầu.

Như vậy, một quan hệ tín dụng phải thoả mãn những đặc trưng cơ bản sau:

- *Thứ nhất:* là quan hệ chuyển nhượng mang tính chất tạm thời.
- *Thứ hai:* tính hoàn trả.
- *Thứ ba:* quan hệ tín dụng dựa trên cơ sở tin tưởng giữa người đi vay và người cho vay.

Trong nền kinh tế hàng hoá có nhiều loại hình tín dụng như tín dụng Ngân hàng, tín dụng Nhà nước, tín dụng Doanh nghiệp. Tín dụng Ngân hàng cũng mang bản chất chung của quan hệ tín dụng nói chung. Đó là quan hệ tin cậy lẫn nhau trong vay và cho vay giữa các ngân hàng, tổ chức tín dụng với các doanh nghiệp và các cá nhân khác, được thực hiện dưới hình thức tiền tệ theo nguyên tắc hoàn trả và có lãi.

Trong hoạt động tín dụng của ngân hàng còn sử dụng thuật ngữ tín dụng hộ sản xuất. *Tín dụng hộ sản xuất là quan hệ tín dụng ngân hàng giữa một bên là ngân hàng với một bên là hộ sản xuất hàng hoá.*

1.1.2 Các hình thức tín dụng ngân hàng.

Theo các tiêu thức phân chia khác nhau có các hình thức tín dụng ngân hàng khác nhau:

* *Căn cứ vào thời gian hình thành trong quan hệ tín dụng:* tín dụng ngắn hạn, tín dụng trung hạn và tín dụng dài hạn.

* *Căn cứ vào mức độ tín nhiệm đối với khách hàng:* tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản và tín dụng có bảo đảm bằng tài sản.

* *Căn cứ vào thao tác thừa hành tín dụng:* tín dụng trực tiếp và tín dụng gián tiếp.

* *Phân theo phương thức cho vay:* Cho vay từng lần, cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay theo dự án đầu tư, cho vay hợp vốn, cho vay trả góp, cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng và cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

1.1.3 Vai trò của tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất.

** Tín dụng ngân hàng đáp ứng nhu cầu cho hộ sản xuất để duy trì quá trình sản xuất liên tục, góp phần đầu tư phát triển kinh tế.*

** Tín dụng ngân hàng góp phần thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất.*

** Tín dụng ngân hàng tạo điều kiện phát huy các ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới, giải quyết việc làm cho người lao động.*

** Tín dụng ngân hàng không những đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn có vai trò to lớn về mặt chính trị xã hội.*

Ngoài ra, tín dụng ngân hàng góp phần thực hiện tốt các chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, điển hình là chính sách xoá đói giảm nghèo.

1.2 Tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động tín dụng.

1.2.1 Khái niệm chất lượng tín dụng ngân hàng:

Chất lượng tín dụng là sự đáp ứng yêu cầu của khách hàng ở đây gồm cả người gửi tiền và vay tiền phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội đồng thời đảm bảo sự tồn tại, phát triển của ngân hàng.

1.2.2 Chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng ngân hàng.

1.2.2.1 Chỉ tiêu định tính:

a. Đảm bảo nguyên tắc cho vay:

Theo quyết định 1627/QĐ ngày 15/01/2002, tại Điều 6 nguyên tắc vay vốn ghi rõ: Khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng phải đảm bảo 2 nguyên tắc cơ bản để cho vay là:

- Thứ nhất: Sử dụng đúng mục đích theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Thứ hai: Hoàn trả đầy đủ cả gốc lẫn lãi đúng hạn theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

b. Cho vay đảm bảo có điều kiện:

Tại Điều 7 Điều kiện vay vốn ghi rõ: " Tổ chức tín dụng xem xét và quyết định cho vay khi khách hàng có đủ cả 5 điều kiện"

c. Quá trình thẩm định:

Quá trình thẩm định là chỉ tiêu định tính quan trọng nhất quyết định tới chất lượng khoản cho vay.

1.2.2.2 Chỉ tiêu định lượng:

a. Doanh số cho vay hộ sản xuất:

Doanh số cho vay hộ sản xuất là chỉ tiêu tuyệt đối phản ánh tổng thể số tiền ngân hàng cho hộ sản xuất vay trong thời kỳ nhất định thường là một năm. Chỉ tiêu này phản ánh quy mô đầu tư vốn của Ngân hàng.

Doanh số cho vay HSX trong kỳ = (Dư nợ HSX cuối kỳ - Dư nợ HSX đầu kỳ + Doanh số thu nợ HSX trong kỳ)

Tỷ trọng cho vay HSX = (Doanh số cho vay HSX/ Tổng doanh số cho vay) * 100%.

b. Doanh số thu nợ hộ sản xuất:

Doanh số thu nợ hộ sản xuất là chỉ tiêu tuyệt đối phản ánh tổng số tiền ngân hàng thu hồi được sau khi đã giải ngân cho hộ sản xuất trong một thời kỳ. Nếu doanh số thu nợ càng lớn thì chứng tỏ hoạt động tín dụng càng có hiệu quả.

Doanh số thu nợ HSX trong kỳ = (Dư nợ hộ sản xuất đầu kỳ + Doanh số cho vay HSX trong kỳ - Dư nợ HSX cuối kỳ)

Tỷ lệ thu nợ HSX = (Doanh số thu nợ HSX/ Tổng dư nợ HSX) * 100%.

Tỷ trọng thu hồi nợ HSX = (Doanh số thu nợ HSX/ Doanh số cho vay HSX) * 100%.

c. Dư nợ quá hạn hộ sản xuất:

Dư nợ quá hạn hộ sản xuất là chỉ tiêu tuyệt đối phản ánh tổng thể số tiền Ngân hàng chưa thu hồi được sau một thời gian nhất định kể từ ngày khoản cho vay đến thời hạn thanh toán tại thời điểm đang xem xét.

Dư nợ cuối kỳ = (Doanh số cho vay trong kỳ + Dư nợ đầu kỳ - Doanh số thu nợ trong kỳ)

Tỷ lệ nợ quá hạn HSX = (Dư nợ quá hạn HSX/ Tổng dư nợ HSX) * 100%.

Tỷ lệ nợ khó đòi = (Tổng nợ khó đòi/ Tổng nợ quá hạn) * 100%.

d. Vòng quay vốn tín dụng HSX:

Vòng quay vốn tín dụng HSX = (Doanh số thu nợ HSX/ Dư nợ bình quân HSX).

Trong đó, dư nợ bình quân HSX = (Dư nợ đầu năm + Dư nợ cuối năm)/2.

e. Lợi nhuận của Ngân hàng:

Lợi nhuận = Tổng thu - tổng chi - thuế.

1.2.2.3 Một số chỉ tiêu khác:

* *Chỉ tiêu 1:* Số tiền vay mỗi lượt HSX = (Doanh số cho vay HSX/ Tổng số lượt HSX vay vốn)

* *Chỉ tiêu 2:* Tỷ lệ cho vay trung - dài hạn HSX = (Dư nợ cho vay HSX trung - dài hạn/ Tổng số dư nợ HSX) * 100%.

* *Chỉ tiêu 3:*

Tốc độ tăng trưởng dư nợ HSX hàng năm. Đây là dấu hiệu cho thấy kết quả hoạt động tín dụng Ngân hàng sử dụng với chỉ tiêu tỷ lệ nợ quá hạn có thể đánh giá được chất lượng cũng như hiệu quả tín dụng Ngân hàng đối với HSX.

* *Chỉ tiêu 4* : Số hộ CBTD quản lý = (Tổng số hộ vay/ Tổng số CBTD).

1.2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất.

1.2.3.1 Yếu tố thuộc môi trường: Môi trường kinh tế xã hội, Môi trường chính trị - pháp lý và môi trường tự nhiên.

1.2.3.2 Yếu tố thuộc về khách hàng: Trình độ của khách hàng, khách hàng sử dụng vốn sai mục đích và lừa đảo Ngân hàng.

1.2.3.3 Yếu tố thuộc về Ngân hàng: Chính sách tín dụng ngân hàng, chấp hành quy định thể chế tín dụng, cho vay hoặc bảo lãnh, trình độ cán bộ tín dụng, kiểm tra, kiểm soát của ngân hàng chưa kịp thời và hệ thống thông tin Ngân hàng.

Như vậy, tín dụng ngân hàng chịu sự tác động của cả những yếu tố bên trong và bên ngoài Ngân hàng.

1.3 Kinh nghiệm quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của một số nước trong khu vực và các Ngân hàng thương mại.

1.3.1. Kinh nghiệm của các nước trong khu vực.

a. Kinh nghiệm của Thái Lan:

b. Kinh nghiệm của Malaysia:

c. Kinh nghiệm của Indonesia:

1.3.2 Kinh nghiệm của các ngân hàng thương mại:

- Xây dựng phương thức cho vay.
- Xây dựng quy trình quản lý tín dụng hợp lý, khoa học.
- Nắm vững những thông tin về khách hàng vay vốn.
- Nắm vững và theo dõi sát sao tình hình sử dụng vốn vay của khách hàng.
- Đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.
- Cho vay dựa vào tài sản thế chấp, cầm cố, các bảo đảm tiền vay khác.

Tóm lại chương 1 đã giới thiệu cơ sở lý luận về nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của NHTM nói chung làm cơ sở cho việc nghiên cứu về thực trạng hoạt động tín dụng của NHN_o&PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất, sẽ được trình bày ở chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NHNo & PTNT NGHỆ AN ĐỐI VỚI HỢP SẢN XUẤT

2.1. Khái quát tình hình hoạt động của NHNo & PTNT Nghệ An.

2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển và chức năng của NHNo & PTNT Nghệ An.

Quá trình xây dựng và trưởng thành của Ngân hàng phát triển nông nghiệp Nghệ An được đánh dấu qua 3 thời kỳ:

- Thời kỳ (1988 - 1990): Ngân hàng Phát triển nông nghiệp hoạt động theo các cơ chế ban hành theo nghị định 53/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

- Thời kỳ (1991 - 1996): Ngân hàng Nông nghiệp hoạt động theo các cơ chế ban hành theo pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính.

- Thời kỳ 1997 đến nay Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoạt động theo các cơ chế ban hành theo luật các Tổ chức Tín dụng.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức.

Mạng lưới tổ chức NHNo&PTNT Nghệ An đã trải rộng khắp cả tỉnh với 19 Ngân hàng cơ sở huyện, thị xã, thành phố cấp II, 39 Ngân hàng cấp III, 9 phòng giao dịch và 10 quỹ tiết kiệm huy động vốn. Đến thời điểm hiện nay đơn vị đã có tổng số gần 900 cán bộ viên chức.

2.1.3 Kết quả hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT Nghệ An.

2.1.3.1 Hoạt động huy động vốn.

Vốn là một trong những điều kiện tiên quyết không thể thiếu đối với một đơn vị sản xuất kinh doanh nào. Với Ngân hàng vốn không chỉ là đầu vào đơn thuần mà là nền tảng cho các hoạt động kinh doanh của nó.

Để thấy rõ tình hình huy động vốn của chi nhánh trong những năm gần đây ta xem xét bảng sau:

**BẢNG 2.1: KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VỐN THEO THỜI GIAN
TỪ NĂM (2005 - 2007).**

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Chi tiêu	Năm		2005		2006		2007		2006/2005		2007/2006	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	+/-	%	+/-	%		
TG không kỳ hạn	551	23,68	571,9	19,36	617,4	17,10	20,9	103,79	45,5	107,96		
TG có KH dưới 12 tháng	478	20,54	721,5	24,43	881,6	24,41	243,5	150,94	160,1	122,19		
TGcó KH 12 tháng trở lên	1.298	55,78	1.660,4	56,21	2.112	58,49	362,4	127,92	451,6	127,20		
Tổng	2.327	100	2.953,8	100	3.611	100	626,8	126,94	657,2	122,25		

*"Nguồn: báo cáo kết quả huy động vốn các năm (2005 - 2007)
của NHNo&PTNT tỉnh Nghệ An".*

Từ bảng số liệu 2.1 cho thấy, nguồn vốn huy động của chi nhánh tăng lên qua 3 năm. Cụ thể năm 2006 tổng nguồn vốn 2.953,8 tỷ đồng tăng so với năm 2005 là 626,2 tỷ đồng tương ứng với 26,94%; Năm 2007 đạt 3.611 tỷ đồng tăng so với năm 2006 là 657,2 tỷ đồng tương ứng với 22,25%. Mặc dù tốc độ tăng trưởng năm 2007 so với năm 2006 có giảm nhưng ở mức không cao nên vẫn đủ để tạo cho chi nhánh một nguồn vốn dồi dào phục vụ tốt kế hoạch kinh doanh của mình. Sự tăng lên của nguồn vốn là do sự biến đổi của các nguồn sau:

- Vốn huy động từ tiền gửi không kỳ hạn;
 - Vốn huy động từ tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng;
 - Vốn huy động tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.
- *Tình hình huy động vốn theo nhóm khách hàng*

BẢNG 2.3: KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VỐN THEO NHÓM KHÁCH HÀNG

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Chi tiêu	Năm 2005		2006		2007		2006/2005		2007/2006	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	+/-	%	+/-	%
TG dân cư	1.780	76,49	2.396,5	81,13	2.880	79,76	616,5	134,63	483,5	120,18
TG tổ chức kinh tế, tổ chức XH	537	23,08	547,9	18,55	723	20,02	10,9	102,03	175,1	131,96
TG, tiền vay TCTD, khác	10	0,43	9,4	0,32	8	0,22	-0,6	94	-1,4	85,11
Tổng	2.327	100	2.953,8	100	3.611	100	626,8	126,94	657,2	122,25

*Nguồn: Báo cáo kết quả huy động vốn các năm (2005 - 2007)
của NHN_o&PTNT tỉnh Nghệ An.*

Để đáp ứng nhu cầu về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cho các thành phần kinh tế, ngoài nguồn vốn tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh đã tích cực tìm mọi biện pháp để gia tăng nguồn vốn từ các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, huy động tiền gửi tiết kiệm dân cư. Nhìn vào bảng số liệu 2.3 cũng cho thấy nguồn vốn huy động của chi nhánh tăng lên qua 3 năm. Năm 2006 tổng nguồn vốn là 2.953,8 tỷ đồng tăng so với năm 2005 là 626,8 tỷ đồng (mức tăng 26,94%); Năm 2007 đạt 3.611 tỷ đồng tăng so với năm 2006 là 657,2 tỷ đồng (mức tăng 22,25%). Sự tăng lên của nguồn vốn là do sự biến đổi chủ yếu của các nguồn sau:

- Về nguồn vốn huy động từ tiền gửi dân cư;
- Nguồn vốn từ các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội
- Nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng

Tóm lại, trong 3 năm qua mặc dù có sự cạnh tranh quyết liệt về lãi suất, về Marketing khách hàng nhưng do có đổi mới trong chỉ đạo điều hành nguồn vốn theo hướng khuyến khích các chi nhánh đẩy mạnh huy động vốn, giao quyền chủ động cho các chi nhánh tăng huy động vốn đồng thời đã có những biện pháp tích cực và phù hợp nên trong những năm qua vẫn giữ được nguồn vốn tăng trưởng ổn định đáp ứng nhu cầu về vốn cho mọi thành phần kinh tế, mọi đối tượng khách hàng.

2.1.3.2 Hoạt động cho vay

Từ nguồn vốn đã huy động được ở trên, Ngân hàng đã có điều kiện để mở rộng tín dụng và có hiệu quả, vốn vay đến đúng địa chỉ, an toàn.

"Cho vay - thu nợ - dư nợ" là ba khía cạnh cần xem xét khi nói đến tình hình sử dụng vốn của Ngân hàng. Để thấy được bức tranh chung về hoạt động sử dụng vốn ta xem bảng số liệu sau:

**BẢNG 2.4: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÍN DỤNG CỦA CHI NHÁNH
QUA 3 NĂM (2005-2007)**

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Năm Chỉ tiêu	2005	2006	2007
Doanh số cho vay	2.581,1	3.154,8	4.062
Doanh số thu nợ	2.208,5	2.779,8	3.568
Dư nợ	2.474,6	2.849,6	3.343,9

(Nguồn: Báo cáo kết quả tín dụng các năm (2005 - 2007)
của NHN_o&PTNT tỉnh Nghệ An).

2.1.3.3 Chất lượng tín dụng.

Chất lượng tín dụng được xem xét là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả hoạt động tín dụng trong một giai đoạn của Ngân hàng Thương mại.

**BẢNG 2.7: NỢ QUÁ HẠN TẠI NHN_o&PTNT NGHỆ AN
GIAI ĐOẠN (2005-2007)**

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm Chỉ tiêu	2005	2006	2007
Dư nợ quá hạn (tỷ đồng)	9,434	19,447	15,4
Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	0,38	0,68	0,46

(Nguồn: Các báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh các năm (2005 - 2007) của NHN_o&PTNT tỉnh Nghệ An).

Qua con số nợ quá hạn hàng năm có thể thấy chất lượng tín dụng của Ngân hàng là tốt, thể hiện tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng số dư nợ chỉ tiêu dưới 1%. Đây chính là cơ sở thuận lợi cho Ngân hàng tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh trong những năm tiếp theo.

2.2 Thực trạng hoạt động tín dụng và chất lượng hoạt động tín dụng của NHN_o&PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất.

2.2.1 Một số chính sách tín dụng của NHN_o&PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất.

2.2.1.1. Chính sách thẩm định:

2.2.1.2 Chính sách về cơ chế bảo đảm tiền vay

2.2.1.3 Chính sách về hình thức cho vay

* Cho vay trực tiếp.

* Cho vay gián tiếp.

2.2.1.4 Chính sách về thời hạn cho vay và định kỳ hạn nợ

2.2.2 Tình hình doanh số cho vay, thu nợ, dư nợ của NHN_o&PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất trong những năm gần đây.

2.2.2.1. Doanh số cho vay đối với hộ sản xuất

Doanh số cho vay những năm gần đây đều tăng trưởng khả quan, cụ thể như sau:

**BẢNG 2.8: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO VAY ĐỐI VỚI HSX
NĂM (2005- 2007)**

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Năm	2005		2006		2007		2006/2005		2007/2006	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	+/-	%	+/-	%
Cho vay										
1. Ngắn hạn	1.462	68,52	1.829,53	68,61	2.327,36	68,08	365,53	125,14	497,83	127,21
2. Trung hạn và dài hạn	671,7	31,48	836,97	31,39	1.091,14	31,92	165,27	124,60	254,17	130,37
Tổng	2.133,7	100	2.666,5	100	3.418,5	100	532,8	124,97	752	128,20

(Nguồn: Các báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh các năm 2005, 2006, 2007 tại NHN_o&PTNT Nghệ An).

Xét về kỳ hạn cho vay thì cả doanh số cho vay ngắn hạn và doanh số cho vay dài hạn đều tăng lên qua các năm. Sự tăng về số tương đối và tuyệt đối của doanh số cho vay trung, dài hạn cho thấy đã có sự chuyển hướng của Ngân hàng. Việc chuyển hướng tăng cho vay trung, dài hạn bởi lẽ có

ảnh hưởng đến việc phát triển doanh số cho vay của Ngân hàng, mang lại lợi nhuận cho đơn vị.

Những kết quả trên đây đã phần nào cho thấy chất lượng tín dụng Ngân hàng trong những năm qua xét trên phương diện mở rộng diện hộ

2.2.2.2 Doanh số thu nợ đối với hộ sản xuất.

Doanh số thu nợ là chỉ tiêu để đánh giá chất lượng của hoạt động cho vay. Doanh số thu nợ càng lớn chứng tỏ công tác cho vay của Ngân hàng càng an toàn và hiệu quả.

BẢNG 2.10: KẾT QUẢ THU NỢ ĐỐI VỚI HSX NĂM (2005 -2007).

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Thu nợ	Năm		2005		2006		2007		2006/2005		2007/2006	
			Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	+/-	%	+/-	%
1. Ngắn hạn			761,11	70,33	1.627,17	69,38	2.069,62	70	866,06	213,79	442,45	127,19
2. Trung hạn và dài hạn			321,09	29,67	718,13	30,62	886,98	30	397,04	223,65	127,19	123,51
Tổng			1.082,2	100	2345,3	100	2956,6	100	1263,1	216,72	611,3	126,06

(Nguồn: Các báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh các năm (2005- 2007) tại NHN_o&PTNT Nghệ An).

Cùng với chỉ tiêu doanh số thu nợ cho thấy chất lượng tín dụng Ngân hàng thì chỉ tiêu tỷ lệ doanh số thu nợ/doanh số cho vay cũng phản ánh chất lượng tín dụng.

BẢNG 2.11: TỶ LỆ (%) DOANH SỐ THU NỢ HSX/ DOANH SỐ CHO VAY HSX TẠI NHN_o&PTNT NGHỆ AN.

Chỉ tiêu \ Năm	2005	2006	2007
DS thu nợ/ DS cho vay	50,72	85,95	86,49
Ngắn hạn	52,06	88,94	88,92
Trung, dài hạn	47,80	85,80	81,29

(Nguồn: Các báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh các năm 2005, 2006, 2007 tại NHN_o&PTNT Nghệ An).

Để đánh giá một cách chính xác hoạt động tín dụng của Ngân hàng đối với hộ sản xuất cần phải phân tích thêm chỉ tiêu dư nợ và nợ quá hạn của Ngân hàng.

2.2.2.3 *Dư nợ cho vay đối với hộ sản xuất.*

Dư nợ là thước đo tầm vóc của một Ngân hàng nên bất cứ một Ngân hàng thương mại nào cũng chú trọng tăng trưởng dư nợ. Nếu dư nợ của Ngân hàng càng tăng thì cho thấy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng ngày càng có hiệu quả, dư nợ tăng sẽ mang lại lợi nhuận cho Ngân hàng. Để thấy rõ điều đó cần phải tiến hành phân tích thực trạng dư nợ đối với hộ sản xuất theo các tiêu thức khác nhau:

➤ *Dư nợ cho vay đối với hộ sản xuất theo kỳ hạn nợ.*

BẢNG 2.12: KẾT QUẢ DƯ NỢ CHO VAY THEO KỲ HẠN ĐỐI VỚI HSX TỪ NĂM (2005 - 2007)

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2005		2006		2007		2006/2005		2007/2006	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	+/-	%	+/-	%
1. Ngắn hạn	1.009,4	47,46	1.211,76	49,5	1.469,5	50,5	202,36	120,05	257,74	121,27
2. Trung hạn và dài hạn	1.117,4	52,54	1.236,24	50,5	1.440,4	49,5	118,84	110,64	204,16	161,51
Tổng	2.126,8	100	2.448	100	2.909,9	100	321,2	115,10	461,9	118,87

(Nguồn: Các báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh các năm 2005, 2006, 2007 tại NHNo&PTNT Nghệ An).

➤ *Dư nợ cho vay đối với hộ sản xuất theo hình thức chuyển tải vốn.*

Do đặc điểm kinh tế xã hội riêng của Nghệ An, NHNo&PTNT Nghệ An mới chỉ thực hiện hai hình thức chuyển tải vốn là cho vay trực tiếp và cho vay thông qua tổ vay vốn.

Ngân hàng đã hợp tác với các tổ chức xã hội khác như hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên,... để tổ chức cho vay qua tổ nhóm. Số tổ cho vay năm 2007 lên tới 3.312 tổ trong đó cho vay hộ nghèo 174.530 hộ 100% thông qua tổ.

2.2.3 Tình hình chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại NHNo & PTNT Nghệ An trong những năm gần đây.

2.2.3.1 *Thực trạng nợ quá hạn.*

Nợ quá hạn là một trong những khoản nợ xấu (nợ khó đòi, nợ khoanh, nợ quá hạn, nợ chờ xử lý) mà khách hàng vay Ngân hàng khi đến hạn không trả được và cũng không được gia hạn nợ. Nợ quá hạn và tỷ lệ nợ quá

hạn là những đánh giá khái quát chất lượng tín dụng của Ngân hàng nói chung và đánh giá chất lượng tín dụng cho vay hộ sản xuất nói riêng.

Để đánh giá tình hình dư nợ quá hạn cho vay đối với hộ sản xuất Ngân hàng sử dụng chỉ tiêu: tỷ lệ nợ quá hạn HSX/ tổng dư nợ HSX.

BẢNG 2.16: TỶ LỆ NỢ QUÁ HẠN HSX/ TỔNG DƯ NỢ HSX.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Chỉ tiêu \ Năm	2005	2006	2007
1. Tổng dư nợ HSX	2.126,8	2.448	2.909,9
2. Dư nợ quá hạn HSX	8,93	18,11	16,29
3. Nợ quá hạn/ tổng dư nợ HSX (%)	0,42	0,74	0,56

(Nguồn: Các báo cáo tổng kết công tác tín dụng và hoạt động kinh doanh các năm 2005, 2006, 2007 tại NHNo&PTNT Nghệ An).

Kết quả nổi bật của Ngân hàng trong hoạt động cho vay đối với HSX những năm qua là tỷ lệ nợ quá hạn hàng năm rất thấp, thấp hơn rất nhiều mức trung bình của NHNo&PTNT Việt Nam (hơn 5%) và nhỏ hơn mục tiêu phân đầu của NHNo&PTNT Việt Nam là tỷ lệ nợ quá hạn xuống còn 3% năm. Qua 3 năm cho thấy tỷ lệ nợ quá hạn cao nhất là 0,74% năm 2006 và thấp nhất là 0,42% năm 2005 thì có thể thấy chất lượng tín dụng NHNo&PTNT Nghệ An là cao.

Để đánh giá đầy đủ hơn về dư nợ quá hạn hộ sản xuất thì cần thiết phải phân loại nợ quá hạn theo các tiêu thức khác nhau như:

➤ *Dư nợ quá hạn cho vay đối với hộ sản xuất theo thời gian chi tiết tháng.*

➤ *Dư nợ quá hạn cho vay đối với hộ sản xuất theo loại cho vay.*

➤ *Dư nợ quá hạn cho vay đối với hộ sản xuất phân theo nguyên nhân.*

2.2.3.2 Vòng quay vốn tín dụng.

Vòng quay vốn tín dụng bằng doanh số thu nợ trên dư nợ bình quân. Đây là chỉ tiêu biểu hiện thời gian số vốn kinh doanh của Ngân hàng qua bao nhiêu vòng. Trong đó vòng quay vốn tín dụng ngắn hạn thể hiện tốc độ luân chuyển vốn tín dụng trong một thời kỳ nhất định.

2.3 Đánh giá hoạt động tín dụng của NHN_o&PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất

2.3.1 Kết quả đạt được.

Qua quá trình phân tích trên cho thấy, trong giai đoạn từ năm (2005 - 2007) Ngân hàng đã thực hiện tương đối nghiêm túc các nguyên tắc, điều kiện cũng như quá trình cho vay, do đó đã đạt được những kết quả khả quan trong hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất.

Doanh số cho vay tăng cả về mặt tương đối và tuyệt đối, cho thấy chất lượng tín dụng trong những năm qua xét trên phương diện diện hộ đã được mở rộng, cho thấy quy mô đầu tư vốn của Ngân hàng ngày càng tăng.

Khối lượng vốn tín dụng khá lớn, đã phủ sóng đến tất cả các phường, xã, vươn tới khắp mọi thôn, xóm, bản làng, miền quê,.. trong đó kinh tế hộ chiếm hơn 85% tổng dư nợ cho vay.

Bên cạnh doanh số cho vay thì doanh số thu nợ đối với hộ sản xuất cũng tăng lên qua các năm, điều này cho thấy công tác cho vay của Ngân hàng an toàn và có hiệu quả.

Kết quả hoạt động tín dụng Ngân hàng còn được thể hiện qua chỉ tiêu dư nợ, nổi bật là dư nợ cho vay đối với hộ sản xuất ngày càng tăng và duy trì ở mức cao, dư nợ hộ sản xuất hàng năm khoảng 2.000 đến xấp xỉ 3.000 tỷ đồng.

Tỷ trọng dư nợ trung, dài hạn trong tổng dư nợ trên dưới 50%..

Tỷ lệ nợ quá hạn của Ngân hàng thấp trong nhiều năm so với các chi nhánh khác, tỷ lệ nợ quá hạn chung chỉ dưới 1%, tỷ lệ nợ quá hạn hộ sản xuất trung bình khoảng $0,57\% < 1$.

Bên cạnh những kết quả đạt được trên, chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại NHN_o&PTNT Nghệ An vẫn còn có những tồn tại cần được khắc phục và hạn chế.

2.3.3 Những hạn chế trong hoạt động cho vay đối với hộ sản xuất.

- Tốc độ tăng trưởng dư nợ hộ sản xuất mấy năm qua tăng trưởng chậm chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu của cộng đồng.

- Doanh số cho vay hộ sản xuất tăng chậm năm 2007 so với năm 2006 chỉ tăng hơn 3%. Số tiền cho vay một món vay chưa cao.

- Phương thức cho vay còn nghèo nàn, hình thức cho vay thực tế áp dụng tại Ngân hàng cũng rất hạn chế.

- Cơ chế khoán tài chính, trả lương đến nhóm và người lao động, đặc biệt là đối với các cán bộ tín dụng đã bộc lộ những mặt bất cập.

- Trình độ cán bộ tín dụng thời gian qua tuy có được nâng lên nhưng nhìn chung còn nhiều hạn chế.

- Ngân hàng chưa có những sản phẩm hay chính sách để khuyến khích khách hàng trả nợ đúng hạn nhằm nâng cao chất lượng tín dụng.

- Chấp hành cơ chế nghiệp vụ vẫn đang còn tồn tại hồ sơ pháp lý một số khoản vay chưa chặt chẽ.

- Công tác chỉ đạo điều hành một số giám đốc Ngân hàng cơ sở buông lỏng quản lý, thiếu đôn đốc, kiểm tra, kiểm soát.

Ngoài những tồn tại và những nguyên nhân dẫn đến những tồn tại ở trên làm ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng thì chất lượng hoạt động tín dụng còn chịu sự tác động của những nguyên nhân khác như:

- Có một số khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay không giống như cam kết khi vay.

- Tình hình kinh tế xã hội trong thời gian qua có nhiều biến động.

- Chênh lệch lãi suất ngày càng giảm, lãi suất huy động vốn ngày càng tăng lên

- Về môi trường pháp lý trên địa bàn tỉnh hiện nay việc cấp giấy sử dụng quyền sử dụng đất triển khai còn hết sức chậm.

- Do trên địa bàn có nhiều NHTM cùng kinh doanh, chế độ thông tin phòng ngừa rủi ro chưa được hoàn thiện, khách hàng cùng một lúc vay ở nhiều ngân hàng với cùng một tài sản thế chấp và cùng một dự án.

Như vậy trong chương này đã đi sâu vào xem xét tình hình hoạt động chung của NHN₀ & PTNT Nghệ An và những kết quả, tồn tại trong hoạt động cho vay sản xuất. Song làm thế nào để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được khắc phục những vấn đề còn tồn tại luôn là nỗi trăn trở. Do vậy cần phải quan tâm đến những giải pháp mà tác giả sẽ đưa ra ở chương 3.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NHN_o&PTNT NGHỆ AN ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT TRONG NHỮNG NĂM TỚI

3.1 Định hướng về hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất.

3.1.1 Định hướng phát triển kinh tế hộ tỉnh Nghệ An đến 2010.

Với mục tiêu đại hội lần thứ XVI Đảng bộ tỉnh đề ra, phấn đấu đến 2010 Nghệ An thoát khỏi tình nghèo và trở thành tỉnh khá trong cả nước.

Mục tiêu cụ thể đặt ra là GDP (giá hiện hành) bình quân đầu người đạt 850 - 1000 USD/người vào năm 2010, tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân hàng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt 12 - 13%.

Đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thì đề ra các mục tiêu:

- Tốc độ phát triển giá trị sản xuất bình quân toàn ngành Nông, lâm, ngư nghiệp: 5,0 - 5,8%.
- Tỷ trọng giá trị gia tăng nông nghiệp chiếm 80% ngành nông lâm ngư, tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp: 37 -40%.
- Sản lượng lương thực đạt 1,20 triệu tấn, bình quân đầu người đạt 340 - 350 kg lương thực, 20 - 22 kg thịt hơi các loại, 12 - 15 kg cá, 60 - 80 kg rau quả, 50 - 60 kg đường, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp đạt 80 - 100 triệu USD.

Từ những mục tiêu đặt ra xác định các nhiệm vụ phải thực hiện trong thời gian tới đó là:

- Tập trung ưu tiên đầu tư để đẩy nhanh CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn, từng bước xây dựng nông nghiệp và kinh tế nông thôn lên sản xuất lớn.
- Đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Từ những mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra trên cho thấy nhu cầu vốn cho nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nông thôn nói riêng theo hướng CNH - HĐH là rất lớn, đó là thách thức không nhỏ cho các ngành, các cấp ở Nghệ An trong đó có ngành Ngân hàng.

3.2.2 Định hướng về hoạt động của NHN_o&PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất.

** Mục tiêu tổng quát:*

** Mục tiêu hoạt động tín dụng (2008 - 2010):*

- Tổng nguồn vốn huy động tăng trưởng bình quân hàng năm 23 - 25%.
- Tổng dư nợ bình quân hàng năm từ 16 - 18%.

Trong đó

- + Dư nợ hộ sản xuất chiếm trên 85% tổng dư nợ.
- + Dư nợ nội và ngoại tệ thông thường tăng 26% hàng năm.
- + Tỷ trọng trung dài, dài hạn 54% tổng dư nợ.
- Tỷ lệ nợ xấu dưới 1% tổng dư nợ.

3.2 Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất tỉnh Nghệ An.

3.2.1 Xây dựng chính sách tín dụng phù hợp:

3.2.1.1 Cho vay tập trung có trọng điểm:

3.2.1.2 Đẩy mạnh cho vay đối với hộ sản xuất qua tổ nhóm tương trợ (tổ tín chấp)

3.2.1.3 Đa dạng hoá hình thức cho vay và áp dụng nhiều phương thức cho vay hợp lý.

➤ Đa dạng hoá hình thức cho vay:

Ngoài việc cho vay trực tiếp tới hộ sản xuất và cho vay gián tiếp thì Ngân hàng có thể áp dụng một số hình thức cho vay khác như:

- Cho vay theo hình thức thanh toán tay
- Cho vay lưu vụ trong sản xuất nông nghiệp.
- Cho vay theo hình thức cấp vốn uỷ thác.

➤ Áp dụng những phương thức cho vay phù hợp với sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

- Thực hiện phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng.
- Thực hiện phương thức cho vay từng lần nhưng phát tiền vay nhiều lần theo nhu cầu vốn thực tế ở các thời gian khác nhau.

3.2.1.4 Ngân hàng đưa ra các sản phẩm khuyến khích:

Các sản phẩm này vừa khuyến khích hộ sản vay vốn vừa khuyến khích hộ trả nợ đúng hạn.

Khuyến khích hoàn vốn nhanh.

Cho vay trả góp.

Lãi suất linh hoạt

Kết hợp tín dụng với tiết kiệm.

3.2.1.5 Duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng vay vốn:

3.2.2 Xây dựng một quy trình tín dụng hợp lý:

3.2.2.1 Nâng cao năng lực đánh giá khách hàng, thẩm định dự án đầu tư, phân tích khả năng trả nợ của khách hàng.

3.2.2.2 *Nắm vững và theo dõi sát sao tình hình sử dụng vốn vay của khách hàng.*

3.2.2.3 *Tăng cường công tác thu hồi nợ, phân tích và xử lý nợ quá hạn.*

3.2.2.4 *Cải tiến hồ sơ thủ tục và thể lệ tín dụng sao cho vừa đơn giản, vừa đảm bảo tính pháp lý cao.*

3.2.3 *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.*

3.3 Một số kiến nghị:

3.3.1 *Đối với NHNo&PTNT Nghệ An.*

Trong điều kiện hội nhập và cạnh tranh rất gay gắt giữa các ngân hàng thì vấn đề đầu tiên mà NHNo&PTNT Nghệ An cần quan tâm là chú trọng hơn nữa vào đầu tư cho yếu tố con người.

Tăng cường cơ sở vật chất: máy tính, các phương tiện làm việc cho các chi nhánh, từng bước hiện đại hoá ngân hàng.

Phối hợp với ngành liên quan để xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật của từng loại cây con chủ yếu trên địa bàn..

Cần dựa trên đặc điểm kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên của vùng để mạnh dạn đầu tư tín dụng đối với trang trại và hợp tác xã.

Cần đầu tư vốn tín dụng cho các hộ sản xuất hàng hoá phi nông nghiệp.

Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, quảng cáo cho hoạt động của ngân hàng trên các phương tiện thông tin đại chúng, ...

3.3.2 *Đối với các cấp, ngành có liên quan.*

*** *Đối với UBND tỉnh Nghệ An:***

- Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế của Tỉnh, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở như Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở công nghiệp, Sở thương mại, ... nhanh chóng có các quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các vùng, miền, nghề... mang tính ổn định cao, thời gian dài, tích cực giúp đỡ người nông dân trong các công tác nông nghiệp cho từng vùng trên địa bàn tỉnh, chuyển giao áp dụng công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh từ đó nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà phát triển.

- UBND tỉnh nhanh chóng chỉ đạo với sở tài nguyên môi trường cải tiến thủ tục đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở, vườn...cho người dân tạo điều kiện để người dân mạnh dạn đầu

tư phát triển sản xuất kinh doanh đồng thời khi có những giấy chứng nhận này là điều kiện đảm bảo để ngân hàng có thể cho vay vốn.

- Tinh nghiên cứu điều chỉnh đất thổ cư phù hợp với giá thị trường, tạo thuận lợi để người vay tăng giá trị tài sản đảm bảo, nâng mức vốn vay ngân hàng.

- Tăng cường phối hợp giữa các ban ngành để làm công tác dự báo thị trường, đặc biệt là thị trường nông sản phẩm tốt hơn.

** Đối với NHNo&PTNT Việt Nam:*

- NHNo&PTNT Việt Nam cần có nhiều hơn nữa các dự án đào tạo cho các nhà lãnh đạo các chi nhánh về lĩnh vực tài chính Ngân hàng hiện đại, đủ năng lực để lãnh đạo chi nhánh.

- Đề nghị NHNo&PTNT Việt Nam nghiên cứu chế độ ưu đãi cho đội ngũ cán bộ tín dụng ở địa bàn nông thôn và các chế độ công tác phí thỏa đáng để khuyến khích CBTD bám sát địa bàn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- NHNo&PTNT Việt Nam cần định ra sản phẩm dịch vụ cải tiến phù hợp với thực tế (với hộ nông dân, hộ sản xuất).

- NHNo&PTNT Việt Nam cần nghiên cứu, tổng kết cho phù hợp hơn về cơ chế cho vay qua tổ nhóm, cơ chế giải ngân, thu nợ, mô hình tổ chức cho vay lưu động, xác định rõ hình thức cho vay trang trại để mở rộng các mô hình có hiệu quả, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, chặt chẽ, thuận lợi cho mở rộng và nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất.

Tóm lại, chương 3 đã trình bày định hướng hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất của NHNo&PTNT Nghệ An, qua đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất, đồng thời nêu một số kiến nghị đối với NHNo&PTNT Nghệ An và các ngành, các bộ phận có liên quan.

KẾT LUẬN

Từ khi thực hiện đổi mới, tín dụng đối với hộ nông dân được khôi phục, phát triển rất mạnh và vững chắc nhờ sự quan tâm của chính phủ, các giải pháp phù hợp của NHNN và NHTM. Tín dụng đối với hộ nông dân thực sự là đòn bẩy thúc đẩy nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ vì vậy nó cần được chú trọng phát triển lâu dài. Tín dụng đối với hộ sản xuất là một hoạt động kinh doanh chính của NHN_o, hoạt động này không chỉ vì mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng mà còn chú trọng quan tâm tới các mục tiêu chính sách xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường, khi mà "khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, kinh tế tri thức ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất; toàn cầu hoá kinh tế là xu thế khách quan; các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động...", NHN_o nói chung và NHN_o&PTNT Nghệ An nói riêng cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa, đặc biệt là trong việc giữ vững khách hàng truyền thống và nỗ lực vào đầu tư phát triển công nghệ, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực để có thể tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường cạnh tranh vô cùng gay gắt và khốc liệt như hiện nay.

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, luận văn đã rút ra một kết luận sau:

Thứ nhất, hệ thống hoá những luận điểm cơ bản về tín dụng Ngân hàng, chất lượng tín dụng Ngân hàng đối với hộ sản xuất và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động tín dụng Ngân hàng. Từ đó đưa ra những cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý, chỉ đạo thực hiện về nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất tại Ngân hàng.

Thứ hai, từ lý luận và thực tiễn đã soi rọi vào thực tiễn của hoạt động NHN_o&PTNT Nghệ An, phân tích, đánh giá toàn diện thực tình hình hoạt động của Ngân hàng, đặc biệt luận văn đi sâu vào nghiên cứu thực trạng hoạt động tín dụng, chất lượng của Ngân hàng đối với hộ sản xuất, phát hiện ra những tồn tại, tìm nguyên nhân để đưa ra những biện pháp hạn chế và khắc phục.

Thứ ba, từ cơ sở lý luận và thực trạng của Ngân hàng trong những năm gần đây, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng tại NHN_o&PTNT Nghệ An đối với hộ sản xuất.

Việc nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất là yêu cầu mang tính cấp thiết cho NHN₀&PTNT Nghệ An và cho nền kinh tế tỉnh vì nó không những mang lại lợi nhuận cho Ngân hàng mà còn phục vụ trực tiếp cho CNH - HĐH trên địa bàn. Tuy nhiên, để giải quyết một cách hoàn chỉnh các vấn đề có liên quan đến nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất của Ngân hàng, đòi hỏi không chỉ có nỗ lực của bản thân Ngân hàng mà cần có sự giúp đỡ của nhà nước và sự phối hợp chặt chẽ của các ngành khác trong nền kinh tế. Có như vậy, nâng cao chất lượng tín dụng đối với hộ sản xuất mới phát huy được vai trò tích cực của nó, để phục vụ được lợi ích của ngân hàng và lợi ích của đất nước.

